



jiā bǎ jìn

加把劲

verb phrase · put in more effort; work harder

Example Sentences

bǐ sài kuài jié shù le dà jiā zài jiā bǎ jìn
比赛快结束了，大家再加把劲。

The game is almost over, everyone put in more effort.

zhǐ yào jiā bǎ jìn nǐ yī dìng néng wán chéng zhè ge rèn wu
只要加把劲，你一定 能 完 成 这个任务。

As long as you work harder, you can definitely finish this task.

Trace each character, then write the word on your own.

加	加	加	加	加	加	加	加				
把	把	把	把	把	把	把	把	把	把		
劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲		